

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ CHUẨN ĐẦU RA
CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
KỲ THI NGÀY 19/10/2025**

Địa điểm thi: Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQĐN (131 Lương Nhữ Hộc, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng)

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ngoại ngữ	Phòng
1	191001	Huỳnh Thị Thu Diễm	411210502	19/04/2003	21CNA10	Bậc 2 (A2) Hàn	01 (D201)
2	191002	Trịnh Thị Diệu Hòa	412200212	27/02/2002	20CNATM03	Bậc 2 (A2) Hàn	01 (D201)
3	191003	Nguyễn Thị Hoài	411210508	09/07/2003	21CNA10	Bậc 2 (A2) Hàn	01 (D201)
4	191004	Trần Hà Lan	411210470	04/02/2003	21CNA09	Bậc 2 (A2) Hàn	01 (D201)
5	191005	Nguyễn Phương My	411210349	28/02/2003	21CNA06	Bậc 2 (A2) Hàn	01 (D201)
6	191006	Nguyễn Thị Thu Thảo	416220094	09/02/2004	22CNDPHCLC01	Bậc 2 (A2) Hàn	01 (D201)
7	191007	Trần Nguyễn Bảo Trân	416220096	24/10/2004	22CNDPHCLC01	Bậc 2 (A2) Hàn	01 (D201)
8	191008	Châu Trần Gia Trang	414210077	12/11/2003	21CNNDL01	Bậc 2 (A2) Hàn	01 (D201)
9	191009	Hoàng Thị Tuyết Trinh	411210327	16/03/2003	21CNA05	Bậc 2 (A2) Hàn	01 (D201)
10	191010	Võ Thị Tường Vi	411210615	15/06/2003	21CNACLC01	Bậc 2 (A2) Hàn	01 (D201)
11	191011	Huỳnh Thị Thanh Vy	416220100	20/05/2004	22CNDPHCLC01	Bậc 2 (A2) Hàn	01 (D201)
1	191012	Lê Hồng Ánh	411230615	22/03/2005	23CNATT01	Bậc 3 (B1) Hàn	02 (D202)
2	191013	Trần Thị Ngọc Ánh	411220232	18/07/2004	22CNA07	Bậc 3 (B1) Hàn	02 (D202)
3	191014	Nguyễn Linh Đan	411230466	02/08/2005	23CNA12	Bậc 3 (B1) Hàn	02 (D202)
4	191015	Nguyễn Thị Thu Huệ	412220247	14/09/2004	22CNATMCLC03	Bậc 3 (B1) Hàn	02 (D202)
5	191016	Phạm Đoàn Minh Thư	412220264	11/06/2004	22CNATMCLC03	Bậc 3 (B1) Hàn	02 (D202)
6	191017	Nguyễn Thị Thương	411220071	16/07/2004	22CNA02	Bậc 3 (B1) Hàn	02 (D202)
7	191018	Hoàng Anh Thy	412220097	09/10/2004	22CNADLCLC01	Bậc 3 (B1) Hàn	02 (D202)
8	191019	Ngô Thị Cẩm Tú	412220077	17/03/2004	22CNADL02	Bậc 3 (B1) Hàn	02 (D202)
9	191020	Nguyễn Bình Phương Uyên	412230078	08/03/2005	23CNADL02	Bậc 3 (B1) Hàn	02 (D202)
10	191021	Trần Lê Bảo Uyên	411230304	23/12/2005	23CNA07	Bậc 3 (B1) Hàn	02 (D202)
1	191022	Đặng Lê Anh Đạt	411230428	09/10/2005	23CNA11	Bậc 3 (B1) Trung	03 (D301)
2	191023	Đặng Nguyễn Hiền Giang	411220590	19/01/1987	22BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung	03 (D301)
3	191024	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	419220048	05/03/2004	22SPP01	Bậc 3 (B1) Trung	03 (D301)
4	191025	Nguyễn Thị Hào	411220592	16/09/1995	22BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung	03 (D301)
5	191026	Phạm Nguyên Hoàng	411220596	20/12/1998	22BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung	03 (D301)
6	191027	Lê Thị Linh Linh	412220278	08/11/2004	22CNATMCLC04	Bậc 3 (B1) Trung	03 (D301)
7	191028	Võ Thị Thuý Ngân	411220597	10/04/1992	22BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung	03 (D301)
8	191029	Trần Thị Ngọc Nhi	411220176	18/06/2004	22CNA05	Bậc 3 (B1) Trung	03 (D301)
9	191030	Bùi Thị Phương Nhung	411220598	30/12/1983	22BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung	03 (D301)
10	191031	Nguyễn Thị Oanh	416220055	13/11/2004	22CNDPH01	Bậc 3 (B1) Trung	03 (D301)
11	191032	Trịnh Sử Trường Thi	411220601	28/08/1986	22BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung	03 (D301)
12	191033	Nguyễn Lê Diệu Thúy	411220148	29/03/2004	22CNA04	Bậc 3 (B1) Trung	03 (D301)
1	191034	Nguyễn Hoài Anh	416230001	23/11/2005	23CNDPH01	Bậc 2 (A2) Trung	04 (D302)
2	191035	Võ Thị Trâm	412153161129	15/03/1998	16CNATM03	Bậc 2 (A2) Trung	04 (D302)
3	191036	Nguyễn Thị Cẩm Tú	412170724	14/04/1999	17CNADL01	Bậc 2 (A2) Trung	04 (D302)
4	191037	Nguyễn Nhật Lam Uyên	411170740	23/10/1999	17CNA12	Bậc 2 (A2) Trung	04 (D302)
1	191038	Nguyễn Lê Kiều Anh	417210187	27/10/2003	21CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật	05 (A301)
2	191039	Nguyễn Thị Hồng Anh	417190077	30/04/2001	19CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật	05 (A301)
3	191040	Đặng Thị Bảo Châu	417210188	11/11/2003	21CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật	05 (A301)
4	191041	Phan Thị Thu Hậu	417210192	24/03/2003	21CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật	05 (A301)

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ngoại ngữ	Phòng
5	191042	Đoàn Thị Khánh Ly	417200042	06/05/2002	20CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật	05 (A301)
6	191043	Lê Bùi Thị Ý	417210202	17/02/2003	21CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật	05 (A301)
7	191044	Lê Thị Hồng	417210207	02/01/2003	21CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật	05 (A301)
8	191045	Huỳnh Kim	417200051	14/09/2002	21CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật	05 (A301)
9	191046	Hoàng Nguyễn Thủy	417210210	15/08/2003	21CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật	05 (A301)
10	191047	Trần Thị Hà	417200057	21/01/2002	20CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật	05 (A301)
1	191048	Đặng Thị Phương	413220060	04/01/2004	22CNPTTSK01	Bậc 5 (C1) Pháp	06 (A302)
2	191049	Nguyễn Lê Văn	413220032	19/12/2003	22CNPDL01	Bậc 5 (C1) Pháp	06 (A302)
3	191050	Lê Thị Thảo	413220004	14/12/2004	22CNP01	Bậc 5 (C1) Pháp	06 (A302)
4	191051	Nguyễn Thị Hương	419220046	16/05/2004	22SPP01	Bậc 5 (C1) Pháp	06 (A302)
5	191052	Nguyễn Đình Nguyên	413220006	23/05/2004	22CNP01	Bậc 5 (C1) Pháp	06 (A302)
6	191053	Nguyễn Thị Hồng	413220007	30/09/2004	22CNP01	Bậc 5 (C1) Pháp	06 (A302)
7	191054	Trần Thị Mỹ	413220008	02/04/2004	22CNP01	Bậc 5 (C1) Pháp	06 (A302)
8	191055	Dương Khánh	413220015	02/09/2004	22CNP01	Bậc 5 (C1) Pháp	06 (A302)
9	191056	Trương Thị Diệu	413220014	25/11/2004	22CNP01	Bậc 5 (C1) Pháp	06 (A302)
10	191057	Thân Võ Kiều	413220016	03/05/2004	22CNP01	Bậc 5 (C1) Pháp	06 (A302)
11	191058	Trần Tiểu	419220053	30/04/2004	22SPP01	Bậc 5 (C1) Pháp	06 (A302)
12	191059	Nguyễn Nhật Minh	413220024	13/02/2004	22CNP01	Bậc 5 (C1) Pháp	06 (A302)
13	191060	Bùi Thị	413220026	05/05/2003	22CNP01	Bậc 5 (C1) Pháp	06 (A302)
14	191061	Lê Thị Hiền	413220029	22/04/2004	22CNP01	Bậc 5 (C1) Pháp	06 (A302)
1	191062	Trần Quỳnh	417210217	06/05/2003	21CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái	07 (B303)
2	191063	Phạm Hoài Xuân	417220268	29/04/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái	07 (B303)
3	191064	Trương Đỗ Thanh	417220269	07/04/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái	07 (B303)
4	191065	Phạm Minh	417220270	15/04/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái	07 (B303)
5	191066	Phạm Thị Minh	417220272	22/01/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái	07 (B303)
6	191067	Phùng Ngọc	417220274	28/06/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái	07 (B303)
7	191068	Lê Thị Kim	417220275	20/08/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái	07 (B303)
8	191069	Phan Thị Khánh	417220276	17/06/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái	07 (B303)
9	191070	Nguyễn Duy	417200294	22/05/2001	20CNTLCT2	Bậc 4 (B2) Thái	07 (B303)
10	191071	Vũ Phan Cẩm	417220277	03/07/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái	07 (B303)
11	191072	Hồ Li	417220279	08/03/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái	07 (B303)
12	191073	Lê Thị Bích	417220280	26/11/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái	07 (B303)
13	191074	Phạm Kim	417220281	19/12/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái	07 (B303)
14	191075	Trần Thị Ánh	417220286	18/10/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái	07 (B303)
15	191076	Đỗ Thị Hồng	417220287	01/08/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái	07 (B303)
16	191077	Nguyễn Thị Bích	417220289	16/01/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái	07 (B303)
17	191078	Lang Đức	417220292	15/07/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái	07 (B303)
1	191079	Trần Thị Thúy	417210010	15/01/2003	21CNJ01	Bậc 4 (B2) Nhật	08 (D401)
2	191080	Trần Phương	417210016	09/10/2003	21CNJ01	Bậc 4 (B2) Nhật	08 (D401)
3	191081	Nguyễn Thị	417200087	01/07/2002	20CNJ03	Bậc 4 (B2) Nhật	08 (D401)
4	191082	Trần Võ Lam	417210062	12/04/2003	21CNJ02	Bậc 4 (B2) Nhật	08 (D401)
1	191083	Lê Thị Văn	413210047	13/11/2003	21CNPDL01	Bậc 4 (B2) Pháp	09 (D402)
2	191084	Lê Thảo	413210096	19/04/2003	21CNPTTSK01	Bậc 4 (B2) Pháp	09 (D402)
3	191085	Võ Luyn	413210054	11/10/2003	21CNPDL01	Bậc 4 (B2) Pháp	09 (D402)
4	191086	Trần Lưu Yến	413210060	24/12/2003	21CNPDL01	Bậc 4 (B2) Pháp	09 (D402)

Danh sách có 86 thí sinh./.